

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ XÃ HỘI

ƯỚC THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

Xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND xã Ngọc Bay)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện 6 tháng/2026	6 tháng đầu năm/năm 2026 (%)	Ghi chú
A	KINH TẾ					
I	Các chỉ tiêu về kinh tế					
	- Thu ngân sách nhà nước	Triệu đồng	24.405	35.125	143,9	
	- Chi ngân sách nhà nước	Triệu đồng	130.603	67.571	51,7	
	- Giải ngân vốn đầu tư công	Triệu đồng	7.675	2.718	35,41	
	- Tỷ trọng cơ cấu kinh tế theo ngành					
	+ Công nghiệp - Xây dựng	%	20	20	100,0	
	+ Thương mại - dịch vụ	%	20	20	100,0	
	+ Nông - lâm - thủy sản	%	60	60	100,0	
	'- Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	58	58	100,0	
	- Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao có liên kết chuỗi giá trị	%	10	10	100,0	
II	Nông nghiệp					
1	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	2.688	1.090	40,6	
	Trong đó: + Lúa	Tấn	1.100	570	51,8	
	+ Ngô	Tấn	1.588	520	32,8	
2	- Một số cây trồng chủ yếu					
	+ Lúa cả năm: Diện tích	Ha	199	100	50,3	Diện tích giao trồng cả năm
	Năng suất	Tạ/ha	56	57	102,7	
	Sản lượng	Tấn	1.100	570	51,8	
	+ Lúa vụ Đông Xuân: Diện tích	Ha	199	100	50,3	
	Năng suất	Tạ/ha	56	57	102,7	
	Sản lượng	Tấn	1.100	570	51,8	
	+ Lúa vụ Mùa: Diện tích	Ha	199		-	
	Năng suất	Tạ/ha	56		-	
	Sản lượng	Tấn	1.100		-	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	310	100	32,2	
	Năng suất	Tạ/ha	51	52	102,0	
	Sản lượng	Tấn	1.588	520	32,8	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	1.345	850	63,2	
	Năng suất	Tạ/ha	204	200	98,2	
	Sản lượng	Tấn	27.396	17.000	62,1	
	+ Mía: Diện tích	Ha	396	340	85,86	
	Năng suất	Tạ/ha	369	750	203,1	
	Sản lượng	Tấn	14.629	25.500	174,3	
3	- Cây lâu năm					
	+ Cây ăn quả các loại	Ha	326	335	102,9	
	Trong đó trồng mới	Ha				
	+ Cây Mắc ca	Ha	35,0	24,5	70,0	
	Trong đó trồng mới	Ha				
	+ Cây chanh dây	Ha	30	66	220,0	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện 6 tháng/2026	6 tháng đầu năm/năm 2026 (%)	Ghi chú
4	- Cây công nghiệp					
	+ Cây Cà phê	Ha	83	90	108,8	
	Cà phê xứ lạnh					
	<i>Trong đó trồng mới</i>	Ha				
	+ Cao su	Ha	2.160	2.200	101,9	
	<i>Trong đó trồng mới</i>	Ha				
5	- Đàn gia súc:					
	+ Đàn trâu	Con	171	140	81,7	
	+ Đàn bò	Con	5.440	4.900	90,1	
	<i>Tỷ trọng bò lai</i>	%	70		-	
	+ Đàn lợn	Con	12.458	8.000	64,2	
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	2.359		-	
6	Lâm nghiệp					
	- Diện tích rừng trong Quy hoạch 3 loại	Ha	37	36,63	99,0	
	<i>Trong đó:</i> + Rừng phòng hộ	"				
	+ Rừng sản xuất	"	37	36,63	99,0	
7	Thủy sản					
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	71	25	35,2	
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	89	20	22,5	
	<i>Trong đó:</i> Tôm nuôi	Tấn				
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	39	39	100,0	
	<i>Trong đó:</i> Nuôi tôm	"				
8	Thủy lợi					
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	73	73	100,0	
	<i>Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố</i>	"	73	73	100,0	
9	Môi trường					
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý năm 2026	%	80	60	75,0	
B	VĂN HÓA - XÃ HỘI					
I	Giáo dục và đào tạo					
1	Giáo dục mầm non công lập	Cháu	1.260	1.338	106,2	
2	Giáo dục phổ thông công lập					
	- Tiểu học	Học sinh	2.050	2.039	99,5	
	- Trung học cơ sở	"	1.600	1.564	97,8	
II	Lao động, việc làm, giảm nghèo					
1	Dân số trung bình	Người	25.541	23.762	93,0	
	+ Tỷ lệ tăng dân số bình quân	%	2,5	3,4		
2	Tổng số hộ	Hộ	5.921	5.463	92,3	
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	60	60	100,0	
4	Giải quyết việc làm cho	Lao động	1.500	1.000	66,7	
5	Tỷ lệ thất nghiệp	%	<3	1	100,0	
6	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội	%	24	5,7		
7	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	93,5	92,5	98,9	
8	Trường mầm non, trường tiểu học và trường tiểu học - trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia	%	87,5	87,5	100,0	7/8 trường đạt chuẩn quốc gia
9	Tỷ lệ thôn (làng) đạt danh hiệu văn hóa	%	100	68,8	68,8	11/16 thôn đạt thôn văn hóa
10	Lượt khách du lịch	khách	7.200	1.000	13,9	
11	Số hộ nghèo	"	21		-	Chưa đến thời điểm
12	Số hộ nghèo giảm trong năm	"	11		-	

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026	Thực hiện 6 tháng/2026	6 tháng đầu năm/năm 2026 (%)	Ghi chú
13	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia.	%	0,35		-	rà soát
III	QUỐC PHÒNG, AN NINH					
1	Các chỉ tiêu về quốc phòng, quân sự	Mức độ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nhiệm vụ	Đạt	
2	Tỷ lệ giao quân hàng năm	%	100	100	100	
3	Đảm bảo tiếp nhận 100% tin báo về các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự trên địa bàn, bao gồm cả tin báo về tội phạm và các hoạt động vi phạm pháp luật khác	%	100	100	100	
4	Phân đầu xây dựng khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn	Mức độ	“An toàn về an ninh trật tự”	“An toàn về an ninh trật tự”	Đạt	